

- Căn cứ tình hình mua thuốc, sử dụng thuốc thực tế năm 2018- 2019.
- Việc dự trữ số lượng phải phù hợp nhu cầu sử dụng, mô hình bệnh tật và phân tuyến kỹ thuật.
- Xây dựng chi tiết từng thuốc, từng nhóm và phân chia tiền độ theo từng quý, năm.
- Dự trữ số lượng sử dụng trong thời gian 24 tháng (kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021); Riêng mặt hàng Capecitabin 500mg nhóm 2 (từ 01/7/2020 đến hết 31/12/2021).

- Các đơn vị có thể nhập số liệu (dự trữ theo Mẫu số 01) trực tiếp trên website của trung tâm: ttms.moh.gov.vn. hoặc tải file mẫu excel trên website để nhập số liệu rồi cập nhật lên website để gửi về Sở Y tế.

3. Các tài liệu đề nghị phải gửi kèm:

- Báo cáo tình hình thực hiện KQLCNT năm 2017 đã nêu ở Mục 1. Trường hợp đơn vị có nhu cầu sử dụng thay đổi tăng hoặc giảm trên 30% số lượng đã sử dụng của năm trước phải giải trình, thuyết minh cụ thể.

- Công văn đề xuất sử dụng thuốc kèm theo cam kết sử dụng tối thiểu 80% số lượng đã dự kiến;

- Kế hoạch sử dụng thuốc (theo mẫu 01) trên website: ttms.moh.gov.vn.

- Biên bản họp và ý kiến tư vấn của Hội đồng thuốc và điều trị của đơn vị;

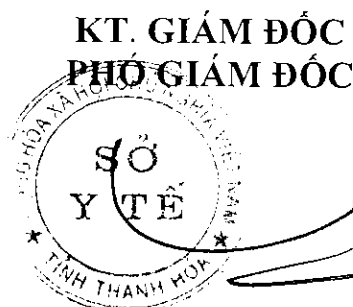
- Các tài liệu phải gửi lập thành 03 bản, gửi về Sở Y tế (phòng Quản lý Dược) trước ngày 17/6/2019.

Nếu quá thời hạn nêu trên, Sở Y tế không nhận được báo cáo, Giám đốc các đơn vị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc không có thuốc phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh của đơn vị mình.

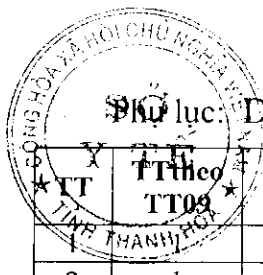
Sở Y tế thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLD



Phạm Ngọc Thơm



Phụ lục: Danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp Quốc gia năm 2019 ban hành theo thông tư số 09/TT-BYT ngày 05/5/2016

		Mã thuốc ATC	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Ghi chú
		L01CD02.01.BD	Docetaxel	Thuốc tiêm	80mg	Tiêm /truyền	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống	
2	1	L01CD02.01.N1	Docetaxel	Thuốc tiêm	80mg	Tiêm /truyền	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống	
3	1	L01CD02.01.N2	Docetaxel	Thuốc tiêm	80mg	Tiêm /truyền	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống	
4	1	L01CD02.01.N3	Docetaxel	Thuốc tiêm	80mg	Tiêm /truyền	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống	
5	1	L01CD02.01.N5	Docetaxel	Thuốc tiêm	80mg	Tiêm /truyền	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống	
6	2	L01XA03.01.BD	Oxaliplatin	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống	
7	2	L01XA03.01.N1	Oxaliplatin	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống	
8	2	L01XA03.01.N2	Oxaliplatin	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống	
9	2	L01XA03.01.N3	Oxaliplatin	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống	
10	2	L01XA03.01.N5	Oxaliplatin	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống	
11	3	L01.CD01.01.BD	Paclitaxel	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống	
12	3	L01.CD01.01.N1	Paclitaxel	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống	
13	3	L01.CD01.01.N2	Paclitaxel	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống	
14	3	L01.CD01.01.N3	Paclitaxel	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống	
15	3	L01.CD01.01.N5	Paclitaxel	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm /truyền	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống	
16	4	L01.BC06.01.BD	Capecitabin	Viên	500mg	Uống	Biệt dược	Viên	
17	4	L01.BC06.01.N1	Capecitabin	Viên	500mg	Uống	Nhóm 1	Viên	
18	4	L01.BC06.01.N2	Capecitabin	Viên	500mg	Uống	Nhóm 2	Viên	
19	4	L01.BC06.01.N3	Capecitabin	Viên	500mg	Uống	Nhóm 3	Viên	
20	4	L01.BC06.01.N5	Capecitabin	Viên	500mg	Uống	Nhóm 5	Viên	Không đấu thầu do thuộc danh mục Thông tư 03/2019/TT-BYT
21	5	L02.BG03.01.BD	Anastrozol	Viên	1mg	Uống	Biệt dược	Viên	
22	5	L02.BG03.01.N1	Anastrozol	Viên	1mg	Uống	Nhóm 1	Viên	
23	5	L02.BG03.01.N2	Anastrozol	Viên	1mg	Uống	Nhóm 2	Viên	
24	5	L02.BG03.01.N3	Anastrozol	Viên	1mg	Uống	Nhóm 3	Viên	
25	5	L02.BG03.01.N5	Anastrozol	Viên	1mg	Uống	Nhóm 5	Viên	Không đấu thầu do thuộc danh mục Thông tư 03/2019/TT-BYT